

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày: 09-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Dũng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu

Bà Trần Thị Hồng

Ông Vũ Khắc Duẩn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2017/TLST-HS ngày 24/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124a/2017/QĐXXST-HS ngày 25/12/2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H - Sinh năm 1978.

ĐKKHKT : Tổ dân phố N - thị trấn C - huyện T - tỉnh Nam Định

Trình độ văn hóa: 9/12.

Nghề nghiệp: Khi phạm tội là Giám đốc Công ty TNHH vận tải sông biển và thương mại PH.

Bố đẻ: Nguyễn Văn H (đã chết); Mẹ đẻ: Phạm Thị H, sinh năm 1953.

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt giam từ ngày 19/10/2016.

****Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS 2015:***

Luật sư Trịnh Bá C - Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

***Nguyên đơn dân sự:** Ngân hàng TMCP SG - Hà Nội.

Địa chỉ: Số 77 phố Đ - phường Đ - quận H - thành phố Hà Nội.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1980 – Cán bộ tín dụng ngân hàng HB.

Trú tại: Số 8, ngõ 102 K, quận T, thành phố Hà Nội.

2. Anh Đỗ Thanh T , sinh năm 1977 – Cán bộ Ngân hàng SHB.

Trú tại: Tổ 34 N, quận C, thành phố Hà Nội.

3. Chị Đặng Thị B – Nguyên giám đốc Giám đốc Công ty CP cơ khí xây dựng A

Trú tại: 1011 A6A khu N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

4. Ông Ninh Quốc T – Nguyên giám đốc Công ty cổ phần CNTT CT.

Trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải sông biển và thương mại PH (viết tắt là Công ty PH) có trụ sở tại: Thôn P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Ngành nghề kinh doanh: Đại lý vận tải hàng hóa đường bộ, đường sông, đường biển nội địa và quốc tế; mua bán, đóng mới, sửa chữa tàu, thuyền; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, giao nhận, kiểm đếm và cho thuê kho bãi... Công ty PH là Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 08/10/2004 có bốn thành viên góp vốn, gồm ông Nguyễn Văn H (là bố đẻ của H), anh Nguyễn Văn H1 (là anh trai của H), chị Nguyễn Thị H (là vợ H) và Nguyễn Văn H. Thực tế các thành viên góp vốn được đưa vào cho đầy đủ thủ tục theo quy định để thành lập Công ty. Mọi hoạt động của Công ty đều do H điều hành, giải quyết và chịu trách nhiệm. Các thành viên góp vốn khác không tham gia bất cứ hoạt động nào của Công ty.

Ngày 08/3/2007 Ngân hàng thương mại cổ phần Hà Nội, chi nhánh Hàm Long (viết tắt là HBB chi nhánh Hàm Long) có trụ sở tại 67C Hàm Long, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ký hợp đồng tín dụng số 0701HL111/HĐTD cho Công ty PH vay 10 tỷ đồng, thời hạn vay là 96 tháng; mục đích sử dụng: Đầu tư đóng mới tàu vận tải biển tải trọng 2000 tấn, ký hiệu HT – 146. Để đảm bảo cho

khoản vay, ngày 15/3/2007 hai bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản với tài sản được thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng 220 m² đất của vợ chồng Nguyễn Văn H tại xóm N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (thửa đất số 173, tờ bản đồ số 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 233082 ngày 12/5/2006, do UBND huyện Trực Ninh cấp). Tài sản được định giá là 150 triệu đồng.

- Tàu HP 1661 tải trọng 730 tấn. Tài sản được định giá là 3 tỷ đồng.

- Tài sản hình thành từ vốn vay có tên/ký hiệu thiết kế HT – 146 theo giấy chứng nhận thiết kế được duyệt ngày 03/01/2007 của Cục đăng kiểm Việt Nam cấp cho chủ sử dụng thiết kế là Công ty PH. Tài sản được định giá là 16,2 tỷ đồng.

Ngày 16/3/2007 HBB chi nhánh Hàm Long và Công ty PH đã ký lại hợp đồng thế chấp tài sản, trong đó tài sản thế chấp chỉ có tàu HP1661 và tàu hình thành trong tương lai HT – 146. Hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Nam Định.

Thực hiện hợp đồng: Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long đã giải ngân cho Công ty PH vay vốn làm 4 lần:

- Lần 1: Ngày 21/3/2007 Công ty PH ký giấy nhận nợ vay số tiền 4 tỷ đồng. Cùng ngày Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long chuyển bằng ủy nhiệm chi cho Hợp tác xã vận tải sông biển Phú An (Hợp tác xã Phú An), có trụ sở tại: Thôn Phú An, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định số tiền 4 tỷ đồng. Hợp tác xã Phú An là đơn vị nhận đóng tàu ký hiệu HT – 146 cho Công ty PH.

- Lần 2: Ngày 27/6/2007 Công ty PH ký giấy nhận nợ vay số tiền 3 tỷ đồng. Cùng ngày Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long chuyển bằng ủy nhiệm chi cho Hợp tác xã Phú An số tiền 3 tỷ đồng.

- Lần 3: Ngày 18/11/2008 Công ty PH ký giấy nhận nợ vay số tiền 1 tỷ đồng. Cùng ngày Nguyễn Văn H đã nhận tiền mặt là 01 tỷ đồng. Sau đó H đã nộp trả Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long để trả phần lãi, gốc của 2 khoản vay nêu trên.

- Lần 4: Ngày 21/11/2008 Công ty PH ký giấy nhận nợ vay số tiền 2 tỷ đồng. Cùng ngày Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long chuyển bằng ủy nhiệm chi cho Công ty cổ phần xây dựng cơ khí An Long (Công ty An Long) có trụ sở tại: 66/128 đường Điện Biên, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định số tiền 2 tỷ đồng. Công ty A là Công ty cung ứng các vật tư, thiết bị, máy móc về tàu biển cho Công ty PH.

+ Trả gốc, lãi khoản vay: Công ty PH mới trả được 8 lần tiền gốc, tổng cộng là 1.450.000.000 đồng, trong đó trả 30.951.000 đồng vào ngày 30/6/2008; 219.049.000 đồng vào ngày 11/7/2008; 250 triệu đồng vào ngày 18/11/2008; 250 triệu đồng vào ngày 21/11/2008; 250 triệu đồng vào ngày 30/3/2009, 1.133.400 đồng vào ngày 30/6/2009, 248.866.600 đồng vào ngày 30/6/2009, 200 triệu đồng vào ngày 24/9/2009 và tiền lãi mới trả đến ngày 26/8/2009 là 2.699.711.000 đồng cho Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long.

Sau khi nhận được số tiền 4 tỷ đồng của lần giải ngân thứ nhất ngày 21/3/2007, thì H đã đề nghị và được Hợp tác xã Phú An xuất chi số tiền 2.750.000.000 đồng (mục đích để H tự mua các thiết bị vật tư đóng tàu), nhưng H đã dùng hết số tiền này để mua tàu có tên PH 16 khai thác, sử dụng đến tháng 9/2008 thì tàu bị đắm ngoài biển. Số tiền còn lại của lần giải ngân thứ nhất và lần giải ngân thứ hai, H đã sử dụng đúng mục đích vay vốn.

Khoảng tháng 10/2007, do cần tiền để trang trải công việc cá nhân, nên ngày 20/10/2007 Nguyễn Văn H đã bán tàu ký hiệu HT – 146 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải M (Công ty M) có trụ sở tại Thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định với giá trị là **13 tỷ đồng** (Khi ký hợp đồng mua bán, hai bên đã thống nhất nâng khống giá trị tàu là 18,5 tỷ đồng để Công ty M vay vốn ngân hàng). Theo thỏa thuận thì Công ty PH vẫn phải tiếp tục đóng tàu cho đến khi hoàn thiện (Việc bán tàu, H không thông báo cho Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long biết). Ngày 21/12/2007 Công ty M đã ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01 vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Nam Định (BIDV Nam Định) 13 tỷ đồng, mục đích vay vốn: Mua tàu ký hiệu HT – 146; tài sản đảm bảo cho khoản vay chính là tàu ký hiệu HT – 146. Cùng ngày Ngân hàng BIDV Nam Định đã giải ngân 07 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty PH mở tại BIDV Nam Định theo ủy nhiệm chi của Công ty M. Do Công ty PH nợ gốc, nợ lãi các khoản vay trước đó tại BIDV Nam Định đã đến hạn trả nên BIDV Nam Định thu 3,9 tỷ đồng đối trừ một phần nợ. Số tiền còn lại 3,1 tỷ đồng H không trả cho Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long mà đem sử dụng vào công việc cá nhân. Sau đó H đã làm thủ tục chuyển đổi hợp đồng đóng tàu, chuyển chủ sử dụng thiết kế tàu ký hiệu HT – 146 (ngày 19/9/2008 Cục đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận thiết kế được duyệt cho tàu ký hiệu HT – 146, chủ sử dụng thiết kế là Công ty M; ngày 30/9/2008 Công ty M đặt tên tàu ký hiệu HT – 146 là Bình Minh 18; ngày 25/02/2009 Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký sở hữu tàu Bình Minh 18 là Công ty M. Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long không biết việc làm trên và Nguyễn Văn H cũng không thông báo cho Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long biết.

Để tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng cho Công ty M vay 13 tỷ đồng, ngày 13/3/2009, theo yêu cầu của Công ty M và Công ty PH, Ngân hàng BIDV Nam Định chuyển vào tài khoản cho Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy C (Công ty C) số tiền 5,4 tỷ đồng (Công ty C là Hợp tác xã Phú An chuyển đổi, là đơn vị nhận đóng tàu ký hiệu HT – 146 cho Công ty PH) và chuyển vào tài khoản cho Công ty PH số tiền 461.369.583 đồng. Vì Công ty PH còn dư nợ tại BIDV Nam Định nên Ngân hàng đã thu hồi luôn số tiền này để đối trừ nợ. Như vậy thực tế Ngân hàng BIDV Nam Định đã giải ngân cho Công ty M để thanh toán cho Công ty PH tổng số tiền mua tàu Bình Minh 18 là 12.861.369.583 đồng.

Do Công ty M không trả nợ được Ngân hàng BIDV Nam Định, nên ngày 08/10/2013 Ngân hàng đã bán đấu giá tài sản thế chấp là tàu Bình Minh 18. Hiện con tàu được đổi tên là Bình Minh 136, thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty cổ phần thương mại vận tải biển X có địa chỉ tại Thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Đối với tài sản sản thế chấp là Tàu HP 1661 tải trọng 730 tấn (được hoán cải thành tàu NĐ 2120), cuối năm 2008 H đã bán cho người có tên là H1 ở Khu 4A, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh được 1,4 tỷ đồng. H đã sử dụng kinh doanh nhưng thua lỗ hết. Việc làm này H không thông báo cho Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long biết.

Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 220 m² đất của vợ chồng Nguyễn Văn H tại xóm Nam An, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định: Được sự đồng ý của Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long, vợ chồng H đã bán được 200 triệu đồng, nộp vào Ngân hàng ngày 24/9/2010 để đối trừ một phần nợ gốc của khoản vay 10 tỷ đồng.

Như vậy bằng các “Hợp đồng tín dụng” và “Hợp đồng thế chấp tài sản”, Công ty PH đã vay của Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long tổng số tiền 10 tỷ đồng. Công ty PH có giao dịch thanh toán với Ngân hàng đến ngày 24/9/2009. Từ đó đến ngày 08/3/2015 là ngày hợp đồng tín dụng số 0701HL111/HĐTD (thời hạn 8 năm) hết hạn và phải thu hồi nợ cũng như cho đến ngày 29/5/2017, là ngày khởi tố vụ án hình sự lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Công ty PH không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, hiện còn nợ 8.550.000.000 đồng tiền gốc, nợ lãi là 15.680.556.899 đồng.

Ngày 28/8/2012 Ngân hàng HBB được sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần SG – Hà Nội (Ngân hàng SHB). Ngân hàng SHB có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng HBB. Ngân hàng SHB nhiều lần thông báo yêu cầu Công ty PH bàn giao tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Nhưng Nguyễn Văn H không bàn giao

tài sản thế chấp cho Ngân hàng. Cán bộ Ngân hàng nhiều lần đến trụ sở của Công ty để làm việc nhưng không gặp H và không liên lạc được với H. H không có mặt ở nơi cư trú và gia đình ở tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Như vậy Nguyễn Văn H đã có hành vi bán tài sản thế chấp và bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tiền vay của Ngân hàng.

2. Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Khoảng tháng 02/2009, mặc dù đã bán các tài sản thế chấp như đã nêu ở trên, nhưng Nguyễn Văn H vẫn tiếp tục lập phương án vay vốn, phương án trả nợ và giấy đề nghị vay vốn không đúng với thực tế, thực trạng của tài sản thế chấp để tiếp tục ký hợp đồng vay vốn Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long. Ngày 23/3/2009 Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long ký hợp đồng tín dụng số 0903HL045/HĐTD – TDH/2009 cho Công ty PH vay 2,5 tỷ đồng, mục đích: Bổ sung nguồn vốn đóng tàu ký hiệu HT – 146; thời hạn vay là 72 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 27/3/2009 hai bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản với tài sản được thế chấp là Tàu ký hiệu HT – 146; tàu NĐ 2120 (là tàu được hoán cải từ tàu HP 1661) và mảnh đất 220 m² đất của vợ chồng Nguyễn Văn H.

Ngoài ra H còn cung cấp cho Ngân hàng các tài liệu, chứng từ không để làm căn cứ giải ngân như: Hợp đồng kinh tế số 126 ngày 12/6/2008 ký giữa Công ty PH và Công ty A cung ứng về vật tư, thiết bị vô tuyến điện có giá trị là 2.500.750.000 đồng; biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/11/2008 giữa Công ty PH và Công ty A, giấy đề nghị thanh toán ngày 20/02/2009 của Công ty A, hóa đơn giá trị gia tăng số 0058982 ngày 25/3/2009 (bản photocopy) của Công ty A xuất bán thiết bị vô tuyến điện cho Công ty PH theo Hợp đồng kinh tế số 126 ngày 12/6/2008 giá trị là 2.500.750.000 đồng (Hóa đơn này Công ty A đã kê khai hủy) và bảng tổng hợp quyết toán tàu ký hiệu HT – 146 ngày 18/9/2008 giữa Công Ty PH và Công ty C được đưa vào hồ sơ vay vốn.

Ngày 30/3/2009 Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long duyệt cho Công ty PH vay 2 tỷ đồng. Cùng ngày Ngân hàng chuyển bằng ủy nhiệm chi cho Công ty A số tiền 1,4 tỷ đồng, còn 600 triệu đồng H nhận tiền mặt, sau đó nộp trả ngay phần gốc, lãi của những khoản vay trước cho Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long. Sau đó chị Đặng Thị B – Giám đốc Công ty A đã chuyển trả cho H 1,4 tỷ đồng. H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Tính đến ngày 03/10/2016, là ngày khởi tố vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thì số nợ lãi của khoản vay 2 tỷ đồng là 4.178.888.699 đồng.

Ngày 11/01/2011 Ngân hàng HBB đã gửi đơn tố cáo đến Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đề nghị điều tra xử lý H trước pháp luật và thu hồi tài sản cho Ngân hàng. Ngày 03/10/2016 Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định

ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do H bỏ trốn, nên cơ quan điều tra ra lệnh truy nã, đến ngày 19/10/2016 thì bắt được H. Ngày 29/5/2017, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định tiếp tục ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn H về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và ra quyết định nhập vụ án hình sự với vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản để điều tra.

Tại Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định, Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra H khai nhận đối với bảng tổng hợp quyết toán tàu ký hiệu HT – 146 ngày 18/9/2008, H tự lập không, rồi photocopy chữ ký của ông Ninh Quốc T và con dấu của Công ty C, sau đó đóng dấu giáp lai của Công ty PH gửi Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long.

Chị Đặng Thị B – Giám đốc Công ty An Long khai nhận: Hợp đồng, giấy đề nghị thanh toán, biên bản đối chiếu công nợ mà H cung cấp cho Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long để đề nghị Ngân hàng giải ngân cho khoản vay 2 tỷ đồng ngày 30/3/2009 là do H lập (các giấy tờ không có thật) và nhờ chị ký. Do Công ty A và Công ty PH có mối quan hệ nhiều lần mua bán hàng hóa với nhau, nên chị nể nang mà ký. Chị B không biết việc H dùng các tài liệu trên để gian dối chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Vì vậy chị B không đồng phạm với H.

Ông Ninh Quốc T – Chủ nhiệm Hợp tác xã Phú An, sau là Giám đốc Công ty C khai nhận không ký vào bảng tổng hợp quyết toán tàu ký hiệu HT – 146 ngày 18/9/2008. Ông Tịch không biết H sử dụng bảng tổng hợp này để làm gì.

Anh Nguyễn Hồng Th là cán bộ thẩm định và anh Đỗ Thanh T là Giám đốc Ngân hàng HBB chi nhánh Hàm Long xác định: hai anh là những người tiếp nhận, hướng dẫn, thẩm định, đề xuất, phê duyệt khoản vay 12 tỷ đồng của Công ty PH, cũng là người trực tiếp kiểm tra việc sử dụng vốn vay, tài sản thế chấp nhưng không phát hiện ra những sai phạm của Công ty PH. Do thời hạn điều tra đã hết, tài liệu điều tra đến nay chưa đủ căn cứ để kết luận, nên Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đã tách ra để xử lý sau.

Đối với tài sản thế chấp là tàu NEĐ 2120: Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đã tiến hành xác minh theo lời khai của H và gửi thông báo truy tìm vật chứng đến các cơ quan có thẩm quyền nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Ngân hàng SHB đề nghị Nguyễn Văn H bồi hoàn tổng số tiền gốc đã bị chiếm đoạt là 10.550.000.000 đồng; tổng số tiền lãi là 19.859.445.598 đồng (trong đó số tiền lãi của khoản vay 10 tỷ đồng tính đến

ngày 29/5/2017 là 15.680.556.899 đồng, số tiền lãi của khoản vay 2 tỷ đồng tính đến ngày 03/10/2016 là 4.178.888.699 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

*Bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, đã xác định bị VKSND tỉnh Nam Định truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, là đúng không oan.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

*Cáo trạng số 99/QĐ-KSĐT ngày 23/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố Nguyễn Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 BLHS năm 1999 và điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và từ 13 năm tù đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 28 năm đến 30 năm tù.

Trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng SHB theo quy định của pháp luật.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa:

Nhất trí về tội danh và Điều luật mà VKSND tỉnh Nam Định đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau cho bị cáo:

- Thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội
- Nhân thân không có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội.
- Hoàn cảnh gia đình khó khăn
- Do kinh doanh thua lỗ mà phạm tội.

Đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; bằng lời khai của người làm chứng; nguyên đơn dân sự; bằng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra, thấy có đủ cơ sở kết luận:

+ Trong tháng 3/2007, Nguyễn Văn H là giám đốc Công ty TNHH vận tải sông biển và thương mại PH (viết tắt là công ty PH), đã ký hợp đồng tín dụng số 0701HL111/HĐTD và Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng TMCP SG-Hà Nội, để vay và nhận được số tiền 10 tỷ đồng. Sau khi ký hợp đồng tín dụng và đã nhận được đủ tiền, Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo “Hợp đồng tín dụng” mà đã có thủ đoạn gian dối tự ý bán hết số tài sản thế chấp và bỏ trốn khỏi địa phương, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền đã vay của Ngân hàng. Hành vi trên của Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tính đến thời điểm khởi tố vụ án, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền nợ gốc là 8.550.000.000 đồng, số tiền lãi là 15.680.556.899 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 BLHS.

+ Trong tháng 3/2009, Nguyễn Văn H là giám đốc Công ty TNHH vận tải sông biển và thương mại PH (viết tắt là công ty PH), đã ký hợp đồng tín dụng số 0903HL045/HĐTD-TDH/2009 với Ngân hàng TMCP SG- Hà Nội, để vay và nhận được số tiền 02 tỷ đồng. Nhưng để được ký hợp đồng tín dụng số 0903HL045/HĐTD-TDH/2009, Nguyễn Văn H đã gian dối dùng các tài sản đã bán cho người khác làm tài sản thế chấp để ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng; Dùng các tài liệu, chứng từ, Hợp đồng kinh tế khống để Ngân hàng làm thủ tục giải ngân cho vay tiền. Như vậy Nguyễn Văn H đã có thủ đoạn gian dối ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP SG- Hà Nội để nhận 02 tỷ đồng rồi chiếm đoạt. Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tính đến thời điểm khởi tố vụ án bị cáo đã chiếm đoạt số tiền nợ gốc là 02 tỷ đồng, số tiền lãi là 4.178.888.699 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS.

Quan điểm truy tố và luận tội của VKSND tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân tổ chức. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, là chủ tài khoản của một công ty, hiểu biết về lĩnh vực quản lý tài chính, trực tiếp đứng tên để kí các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nên bị cáo hiểu rõ trách nhiệm quyền lợi nghĩa vụ của mình đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng đó. Nhưng bị cáo vì tư lợi cá nhân mà khi thực hiện các hợp đồng tín dụng đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền đã vay của Ngân hàng TMCP SG- Hà Nội. Hành vi của bị cáo mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng thể hiện ở số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, nên cần được xử lý nghiêm nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi lượng hình, xét thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Khi lượng hình, xét thấy đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” do khoản 4 Điều 140 BLHS năm 1999 có khung hình phạt nặng hơn so với khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015, nên căn cứ quy định của Nghị quyết 41 QH, khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo - khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015 để ấn định hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở xem xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đối chiếu với các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực thi Bộ luật hình sự, thấy cần ấn định cho bị cáo mức hình phạt ở trong khung hình phạt đã truy tố để cách li bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Như vậy mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra, đồng thời cũng thể hiện được tính khoan hồng nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

Về trách nhiệm dân sự: Theo quy định của pháp luật, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng đã kí kết với Ngân Hàng TMCP SG - Hà Nội, chi nhánh Hàm Long (gọi tắt là SHB Hàm Long).

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, trên cơ sở yêu cầu của Ngân hàng thì bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho Ngân Hàng TMCP SG - Hà Nội, chi nhánh Hàm Long (gọi tắt là SHB Hàm Long) cụ thể số tiền như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 0701HL111/HĐTD, bị cáo phải bồi thường số tiền nợ gốc là 8.550.000.000 đồng, số tiền lãi là 15.680.556.899 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 0903HL045/HĐTD-TDH/2009, bị cáo phải bồi thường số tiền nợ gốc là 02 tỷ đồng, số tiền lãi là 4.178.888.699 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Văn H phải bồi thường cho Ngân Hàng TMCP SG - Hà Nội, chi nhánh Hàm Long (gọi tắt là SHB Hàm Long) là số tiền nợ gốc 10.550.000.000 đồng và số tiền lãi là 19.859.445.598 đồng.

Căn cứ Điều 99 BLTTHS và Pháp lệnh về án phí lệ phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; NQ 41/QH; khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 16 (mười sáu) năm tù

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 14 (mười bốn) năm tù

Căn cứ Điều 50 BLHS 1999: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2016

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 589 BLDS

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho Ngân Hàng TMCP SG - Hà Nội, chi nhánh Hàm Long (gọi tắt là SHB Hàm Long) tổng số tiền là 30.409.445.598 đồng (trong đó số tiền nợ gốc 10.550.000.000 đồng và số tiền lãi là 19.859.445.598 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được bồi thường có đơn yêu cầu, nếu người phải bồi thường không thi hành những khoản tiền này, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Án phí:

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 138.409.445 đồng án phí dân sự.

Báo bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; CA - VKS tỉnh ND
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định
- Trại giam Đại An
- Bị cáo, người tham gia tố tụng
- Lưu HS, tòa HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương